

## Vài Kỷ Niệm Buồn Về Ngày 30 Tháng Tư 1975

Năm 1952, tôi đang làm tư chức, với chức vụ thư ký kế toán tại một hãng buôn tại Sài Gòn thì bị động viên vào Trường Sĩ quan trừ bị Thủ Đức, nhập ngũ ngày 8-12-1952. Sau 21 năm tại ngũ, ngày 31-12-1973, tôi được giải ngũ với cấp bậc trung tá, vì lý do "*đáo hạn tuổi*", tiếng thông thường gọi là hồi hưu. Nhờ sức khỏe còn tốt nên tôi xin vào làm việc trở lại ở hãng cũ.

Đến cuối năm 1974, Hoa Kỳ rút hết những đơn vị chiến đấu cuối cùng của họ về nước, chỉ còn để lại một số sĩ quan làm việc tại phòng tùy viên quân lực (*Military Attaché Liaison Office, viết tắt MATLO*), cạnh tòa đại sứ Hoa Kỳ. Từ từ, Mỹ cắt bớt viện trợ quân sự, đến một lúc Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa (QLVNCH) không còn đủ khả năng đương đầu với quân đội Bắc Việt. Để bảo tồn lực lượng, QLVNCH phải buộc lòng rút quân, co cụm lại, bỏ Ban Mê Thuột, Komtum, Pleiku, Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Nam... Một cuộc rút lui hỗn loạn, vô trật tự. Trong thời gian đó, có thể ví Quân đội miền Nam như là một con rắn không đầu, cấp chỉ huy và binh sĩ ai cũng như nhau, mạnh ai nấy chạy, hèn ai nấy giữ. Một cuộc tháo chạy tán loạn, một cảnh tượng hãi hùng và kinh hoàng chưa từng có trong lịch sử chiến tranh của miền Nam.



Một số giới chức lãnh đạo đất nước, một số tướng lãnh và sĩ quan cao cấp, vì lý do này hay lý do khác, đã thoát thân trước, bỏ lại các chiến hữu đàn em, lạc lõng trong cái cảnh tan rã rất đau lòng của một quân đội đã có một thời ngang dọc nổi tiếng ở Đông Nam Á ; bỏ lại đại đa số đồng bào bơ vơ trong làn sóng đỏ đang thừa cơ tràn vào miền Nam như nước vỡ bờ.

Tại Sài Gòn, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu và Thủ tướng Trần Thiện Khiêm đã "*vi hành*" cùng với gia đình và đoàn tùy tùng thân tín, trên một chuyến máy bay đặc biệt, sang "*tá túc*" tại Đài Loan. Người ta đồn ông Thiệu "*ôm*" 16 tấn vàng đã dự trữ tại ngân hàng của Việt Nam Cộng Hòa đem ra ngoại quốc làm của riêng. Thật sự là Cộng Sản Bắc Việt đã nhào vô Sài Gòn cuờm ngay đem ra Bắc, chia cho các tay đầu sỏ trong Bộ Chính Trị của cái đảng "*mafia*" cộng sản. Cái tài sản quốc gia này đã mất tiêu hồi nào không biết. Cho đến nay, vấn đề vẫn còn là một ẩn số. Đến chừng dư luận dân chúng nêu thắc mắc thì mới biết "*nhà nước ta*" không còn một chỉ để làm thuốc. Sau này, hai

cuốn hồi ký của Nguyễn Tấn Đời và Bùi Tín đã giải oan cho ông Thiệu.

Một vị tướng cao cấp đã giữ kín một cách tài tình kế hoạch rời bỏ Sài Gòn. Mục đích là để đề phòng mọi tình huống xấu có thể xảy ra trong cái cảnh tháo chạy hỗn loạn, loạn xạ ngẫu. Chẳng hạn như âm mưu của kẻ phản bội, sự tranh giành của các chiến hữu hoặc đàn em, đòi tháp tùng sự di tản của mình. Ông lập kế "*dương đông kích tây*", đánh lạc hướng ngay trong nhà mình bằng cách ra lệnh cho gia nhân tổ chức vào ngày N một bữa tiệc linh đình để đãi thượng khách. Tuy nhiên đến ngày N, ông ta biến mất tiêu. Đến ngày N tiệc đã sẵn sàng, mà chủ nhà và thực khách không ai có mặt cả, làm cho toàn thể gia nhân ngã ngửa. Họ đành thay thế cả chủ lẫn khách, vừa đón vừa suy nghĩ tìm cách trốn chạy cộng sản tùy từng hoàn cảnh riêng của mình.

Ngoài Đà Nẵng, Tướng Ngô Quang Trưởng bay trực thăng ra để thất hạm đội của Mỹ. Về sau nghe nói lại, sở dĩ có việc rời bỏ nhiệm sở của ông Trưởng đó là do một áp lực bất khả kháng của một giới chức cao cấp nào đó. Tại Vũng Tàu, Tướng Trần Văn Nhật cũng dùng trực thăng, cùng với vợ con bay ra chiến hạm Mỹ. Hai vị tướng Bùi Đình Đạm và Cao Hào Hớn nằm thương trực tại Bộ Quốc Phòng để cùng các sĩ quan cao cấp di tản theo kế hoạch của cơ quan này.

Sau đây xin sơ lược tình hình các vị tướng lãnh trong biến cố 30-4-75:

*1. Di tản trước ngày 30-4-75, khoảng trên 30 vị. Xin kể một vài vị được nhiều người nhắc đến : Nguyễn Văn Thiệu, Trần Thiện Khiêm, Nguyễn Cao Kỳ, Cao Văn Viên, Ngô Quang Trưởng, Nguyễn Văn Là, Nguyễn Đức Thắng, Nguyễn Văn Mạnh, Trần Văn Trung, Nguyễn Xuân Thịnh, Đồng Văn Khuyên, Trần Văn Nhứt, Lâm Quang Thi, Đỗ Kiến Nhiễu, Chung Tấn Cang, Lâm Ngươn Tánh, Bùi Hữu Nhơn, Hồ Văn Kỳ Thoại...*

*2. Di tản trong ngày 30-4-75: Trần Văn Đôn, Vĩnh Lộc, Nguyễn Hữu Tấn, Nguyễn Văn Chức.*

*3. Ở lại Việt Nam. Hầu hết đều đi tù cải tạo, khoảng 30 vị (trừ 3 vị không đi tù : Dương Văn Minh, Nguyễn Văn Vỹ, Nguyễn Hữu Hạnh) : Nguyễn Hữu Cỏ, Nguyễn Xuân Trang, Lê Minh Đảo, Nguyễn Vĩnh Nghi, Lý Tòng Bá, Phạm Ngọc Sang, Đỗ Kế Giai, Lê Văn Thân, Lê Văn Tư, Huỳnh Văn Cao, Trần Văn Chơ, Phan Đình Thứ...*

*4. Năm vị đã tuần tiết, được toàn dân ngưỡng mộ, thương tiếc, rất xứng đáng được tôn vinh anh hùng dân tộc : Nguyễn Khoa Nam, Lê Văn Hưng, Lê Nguyên Vỹ, Phạm Văn Phú, Trần Văn Hai.*

Rất tiếc là khuôn khổ hạn hẹp của một bài báo không cho phép tôi kể đầy đủ các vị tướng lãnh thuộc 4 trường hợp trên đây mà tôi thu thập được trên các sách báo. Cũng như tôi không thể đề cập đến một số gương anh dũng của quân nhân các cấp, từ cấp tá đến binh sĩ.

Xin trở lại những ngày đầu tháng 4 năm 1975. Toàn thể dân chúng ngoài quân đội cũng bị ảnh hưởng dây chuyền. Hăng buồn mà tôi đang làm có mấy chiếc xe vận tải đi ra Huế, Đà Nẵng giao hàng, trên đường về Nam bị kẹt lại ở Phan Thiết, không sử dụng đường bộ được. Trên đường di tản, tất cả các xe hơi của tư nhân đều được những người chạy giặc, quân nhân cũng như thường dân, xem như là của chung của mọi người, tự động quá giang. Hết chỗ ngồi trong xe, họ leo lên nóc hoặc hai bên vè. tài xế hoặc chủ xe phản đối thì bị ăn đòn hoặc bị lôi cổ xuống. Một cảnh tượng hỗn loạn, hải

hùng và vô chánh phủ chưa từng thấy từ trước đến nay.

Quốc lộ 1, con đường độc đạo xuyên Việt, lúc đó bị kẹt cứng bởi đoàn người và xe cộ di tản vào Nam. Trưởng toán giao hàng đánh điện tín về hãng báo cáo trở ngại và xin chỉ thị. Ban Giám đốc hãng quyết định cho thuê tàu chở các xe tải về Sài Gòn để được an toàn và nhanh chóng.

Tôi có một người bạn, trung tá Dương Bảo Tuấn, lúc tôi còn tại ngũ, đã từng ở cùng một đơn vị, sư đoàn 1 Bộ Binh, đóng tại Huế. Anh theo làn sóng rút quân, về tới Sài Gòn vào cuối tháng 4 năm 1975. Tuấn đến rủ tôi đi "*thám sát*" một vòng Sài Gòn để tìm cách vượt đi Mỹ. Hoàn cảnh của anh ấy và của tôi khác nhau đôi chút. Tuấn là trung tá hiện dịch (*tức xuất thân từ trường võ bị Đà Lạt*) lúc đó là vô sản, không nhà cửa, trong suốt cuộc đời nhà binh toàn ở cư xá quân đội. Nay quân đội miền Nam đã tan hàng rồi thì chỉ có một con đường duy nhất là đi Mỹ để làm lại cuộc đời. Tuấn có vợ và 6 con. Tôi là trung tá trừ bị (*xuất thân từ trường sĩ quan trừ bị Thủ Đức*) có thể được gán là tư sản, vì trước khi vào nhà binh, tôi nhờ buôn bán, làm nghề xuất nhập cảng, đã tậu được 3 căn phố, một chiếc xe du lịch, cổ phần sáng lập ngân hàng. Tôi có vợ và hai con. Tôi có 4 anh em, đi kháng chiến chống Pháp và đi theo cộng sản luôn cho đến 1975. Nếu tôi ở lại, tôi nghĩ rằng cũng không đến nỗi nào, người ta sao mình vậy có sao đâu ?

Anh Tuấn không nói ra, nhưng sau này tôi biết là anh đã dứt khoát, nhứt quyết ra đi với bất cứ giá nào. Còn tôi thì đứng dưng, ba phải, có người rủ đi thì cũng được, được thì tốt, không được cũng tốt thôi. Thật tình, mặc dầu lúc còn ở trong quân ngũ, làm việc tại hai cơ quan chóp bu của quân đội, Bộ Tổng Tham Mưu và Bộ Quốc Phòng, nhưng tôi chẳng có một chút hiểu biết gì về chủ nghĩa cộng sản. Những khẩu hiệu chống cộng lúc bấy giờ của chánh phủ miền Nam như là : "*Cộng sản bần cùng hóa nhân dân*", "*Cộng sản độc tài đảng trị*", "*Đừng nghe những gì cộng sản nói, hãy nhìn kỹ những gì cộng sản làm*"..., theo tôi nghĩ, đó chỉ là những câu tuyên truyền suông. Tôi không thích chánh trị, không muốn tìm hiểu hay dở thế nào.

Trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa thời đó, có thể trong ngành chiến tranh chánh trị, quân nhân có học về chủ nghĩa cộng sản, trái lại trong những ngành khác mọi quân nhân chỉ cần học về kỹ thuật chuyên môn của mình. Không có cái kiểu trong bất cứ đơn vị nào của cộng sản cũng đều có "*chánh trị viên*" đặc trách về những vấn đề của đảng. Tôi là sĩ quan, nói ra thì khó tin, chớ thật sự mù tịt về các loại chủ nghĩa. Hồi nào tới giờ đâu có nghe ai nói "*chủ nghĩa tư bản là gì ?*" Mục đích, chủ trương của chủ nghĩa tư bản ra sao ? Đã có chủ nghĩa tư bản tại sao không có "*đảng tư bản*" với cương lĩnh của nó ? Sao không có sách báo nào nói ? Sao không có ai tuyên truyền, đề cao, quảng cáo "*đảng tư bản*" và động viên để mọi người vào đảng ?

Về chủ nghĩa cộng sản, tôi chỉ có khái niệm mơ hồ. Chỉ biết đó là một chủ nghĩa độc tài kiểu Staline, Mao Trạch Đông. Độc tài ở chỗ các lãnh tụ trị vì đất nước cho đến chết mới thôi. Một khi đã độc tài, tất nhiên không có tự do, không có dân chủ. Và người dân chỉ biết chịu đựng. Trước năm 1975, có một thời gian tôi làm việc tại Bộ Quốc Phòng, nơi đây cung cấp sách báo xuất bản tại Hà Nội (*báo "Nhân Dân"...*). Tôi không quan tâm tìm hiểu cộng sản là gì, cho nên không buồn đọc những tờ báo đó. Lo làm bốn phận hằng ngày, "*chính trị chính em làm chi cho mệt*."

Anh Tuấn nói "*ai - đi - ca*" (*Identification card, viết tắt ID card*) tức là cái căn cước mà quân trường Hoa Kỳ đã cấp cho chúng tôi với tư cách là sĩ quan đồng minh khi đi tu nghiệp, để được tự do đi lại trên đất Mỹ. Thật sự, đối với chúng tôi, tấm thẻ căn cước

này có một giá trị thiết thực hơn, là được hưởng quyền mua hàng giá miễn thuế dành riêng cho quân nhân Mỹ tại các cửa hàng quân tiếp vụ (*Post exchange, PX*). Về phương diện người tiêu thụ, quân nhân đồng minh được đối xử bình đẳng với quân nhân Mỹ. Năm 1960, Tuấn và tôi cùng đi học một khóa tu nghiệp Pháo Binh 8 tháng ở Fort Sill, Oklahoma, Hoa Kỳ, nên đến 1975 chúng tôi vẫn còn giữ cái thẻ "*ai-đi-ca*" này là vật lưu niệm.

Tôi nghe có lý, lấy tấm thẻ đó đem theo. Hôm đó, tôi không nhớ chính xác là ngày nào, đó là một trong những ngày từ 27 đến 29-4-75. Trước tiên, chúng tôi đến tòa đại sứ Mỹ, đường Thống Nhứt để thăm dò tình hình. Thật là một cảnh đông người, xôn xao, hỗn độn chưa từng thấy. Phía trong vòng rào dân ta đông nghẹt, ước lượng cũng vài ngàn người. Không rõ họ tràn vô từ lúc nào. Cả hai cửa ngõ, một ở đường Thống Nhứt và một ở Mạc Đĩnh Chi đều đóng kín mít, có quân cảnh Mỹ canh gác cẩn mật, xua đuổi những người ở lề đường có ý định leo rào nhảy vô. Nghe nói, người nào đã lọt được vào bên trong thì sẽ được trực thăng đậu trên sân thượng tòa đại sứ bốc đưa xuống tàu neo ở ngoài khơi để di tản đi Mỹ. Ở bên kia đường, đối diện với Tòa Đại Sứ, dân chúng còn đông hơn nữa, số lượng hàng ngàn, tụ tập, chờ "*thời cơ*" để bước qua biên giới Việt - Mỹ.

Mới bước đầu mà đã gặp khó khăn. Trước khi đi, chúng tôi đinh ninh là sẽ vào cổng tòa đại sứ dễ dàng, trình thẻ đồng minh là sẽ được niềm nở tiếp đón. Bây giờ, tình thế như vậy, mình đường đường là một sĩ quan cấp tá, xố lố leo rào bị tội quân cảnh xua đuổi thì nhục quá. Chúng tôi chờ cả giờ, tình hình vẫn không có gì khả quan. Không bền chí đợi lâu hơn nữa, chờ thời như mọi người, hai đứa tôi rủ nhau đi về, tìm con đường khác. Tôi hỏi Tuấn :

*- Nếu hai đứa mình vào được, mình bỏ vợ con lại sao?*

*- Mình phải lo thân mình trước. Tội Việt cộng không ưa mình đâu ! Nhứt là mình dân pháo binh, đã từng nã biết bao nhiêu đạn càn nông lên đầu họ. Họ nói mình là con "nợ máu" của họ. Vợ con mình ở lại chắc không đến nỗi gì, từ từ sẽ tính.*

Tuấn đã quyết tâm, còn tôi thì lưỡng lự, thụ động. Nếu hôm đó, Tuấn đi được thì tôi cũng đi theo.



Sau này, nghe nói lại, ngày 29-4-75, Tướng Trần Văn Đôn, cựu Thượng nghị sĩ cũng không vào được tòa đại sứ Mỹ và phải di tản bằng con đường khác. Trong lúc đó tôi có một người bạn đồng khóa Pháo Binh ở Thủ Đức, tên Lê Phước Thọ, lại trùng hợp, về sau cũng là Thượng nghị sĩ, may mắn thế nào mà trong lúc chen lấn ở phía ngoài cổng tòa đại sứ, được một người bạn Mỹ ở bên trong nhận diện được nên can thiệp với quân cảnh Mỹ cho vào một cách ngon lành. Về trường hợp của Tuấn, cũng đúng vào ngày 30-4-75, anh ấy cùng vợ và 6 đứa con được một người bạn, sĩ quan hải quân, rủ vọt đi Mỹ trên một chiến hạm Hải Quân Việt Nam. Quả là trời không phụ những người bền chí.

Chiều hôm đó, tôi lấy xe hơi nhà, chở vợ con đi một vòng Sài Gòn để xem tình hình. Đến tòa đại sứ Mỹ, vẫn cái cảnh y như hồi sáng. Ở bên trong và bên ngoài, người ta vẫn đông như kiến. Rồi nơi đây, tôi cho xe chạy lên phi trường Tân Sơn Nhứt. Ôi cha! người tứ xứ không biết hẹn nhau từ kiếp nào mà đến tập hợp tại đây đông quá trời, ước lượng cũng trên năm ba ngàn người. Từ nhỏ tới lớn, tôi chưa bao giờ thấy một cảnh tượng như vậy. Cổng vào sân bay có những con ngựa kẽm gai chặn ngang, quân cảnh canh gác nghiêm ngặt. Ở phía ngoài, hầu hết là thường dân, nam phụ lão ấu đều có, ngồi bẹp quây quần ở dưới đất. Hỏi thăm mới biết, cả gia đình bỏ hết nhà cửa, tài sản ít nhiều gì cũng đều thí cô hồn không luyến tiếc. Họ nhứt quyết đi tìm tự do. Phần đông là người "*Nam gốc Bắc*", tức là người Bắc di cư hồi năm 1954.

Đoàn xe tăng của bộ đội Bắc Việt, từ cầu Thị Nghè chạy chậm chậm như diễn hành hướng về Dinh Độc Lập. Tôi biết là họ sẽ đi vào Phủ Tổng thống để được Dương Văn Minh bàn giao lại miền Nam Việt Nam. Họ không tốn một viên đạn nào, nhưng đều chắc chắn là họ hao một ít mồ hôi, vì trưa hôm đó trời nóng nực. Vậy là chế độ "*Việt Nam Cộng Hòa*" đã cáo chung. Người thức thời nói là chế độ này bị bức tử. Và một chế độ mới sắp mở màn tại miền Nam Việt Nam.

Tuần báo "*Công An*" tại Sài Gòn số 317 ra ngày 19-8-92, trong bài "*Người phát cờ trên đỉnh cao lịch sử*", tác giả Lưu Ngọc Vang viết : "*Đoàn tới Dinh Độc Lập lúc 9 giờ 30, chiếc xe tăng 843 húc đổ cổng sắt tiến vào sân. Chính ủy Bùi Tung vào bắt sống Tổng Thống Dương Văn Minh...*".

**Xạo vừa thôi !**



**Lý Trường Thạch**

